

Khu BTTN Mường Nhé

Tên khác:

Mường Nhé - Mường Chà, Mường Tè

Tỉnh:

Lai Châu

Diện tích:

182.000 ha

Toạ độ:

21°50' - 22°35' N, 102°10' - 102°58' E

Vùng sinh thái nông nghiệp:

Tây bắc

Có quyết định của Chính phủ:

Có

Đã thành lập Ban Quản lý:

Chưa thành lập

Đã được xây dựng kế hoạch đầu tư:

Có

Đáp ứng các tiêu chí của VCF:

B

Đáp ứng các tiêu chí xã hội:

Không

Báo cáo đánh giá nhu cầu bảo tồn:

Không

Kế hoạch quản lý:

Không

Đánh giá công cụ theo dõi:

Không

Có bản đồ vùng:

Không

Lịch sử hình thành

Ngày 08/07/1976, UBND tỉnh Lai Châu ra Quyết định số 6/QĐ-TKNN về việc thành lập một khu bảo tồn chim thú tại Mường Nhé (Anon. 1993). Sau đó, Mường Nhé được nêu trong Quyết định số 194/CT ngày 09/08/1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, là một khu bảo tồn thiên nhiên có diện tích 182.000 ha (Bộ NN&PTNT, 1997).

Năm 1991, sau một chuyến điều tra thực địa tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên Mường Nhé do WWF và Bộ Lâm nghiệp (cũ) phối hợp thực hiện, báo cáo nghiên cứu khả thi đã được xây dựng, trong đó đề xuất thiết lập một khu bảo tồn thiên nhiên với diện tích khoảng 300.000 ha (Cox *et al.* 1992). Năm 1993, Viện Điều tra Quy hoạch Rừng đã xây dựng dự án đầu tư cho Khu BTTN Mường Nhé. Trong dự án đầu tư đưa ra diện tích khu bảo tồn thiên nhiên là 396.176 ha, trong đó có 109.625 ha là khu bảo vệ nghiêm ngặt, 268.566 ha phục hồi sinh thái và 17.985 ha là đất nông nghiệp và khu dân cư (Anon. 1993). Dự án đầu tư này đã được UBND tỉnh Lai Châu phê chuẩn ngày 24/06/1993 và đã chính thức đệ trình Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Lâm nghiệp (cũ) để xin phê duyệt. Tuy nhiên, do biến động dân cư ở vùng Mường Nhé, kế hoạch đầu tư này chưa được chuẩn y ở cấp Bộ. Thay vào đó, Bộ NN&PTNT và Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đề nghị UBND tỉnh tiến hành sửa đổi và xây dựng lại dự án đầu tư cho vùng. Tiếp theo đó, một bản dự án đầu tư

thứ hai được xây dựng năm 1996 với đề xuất thiết lập một khu bảo tồn thiên nhiên rộng 310.216 ha, bao gồm 173.025 ha khu bảo vệ nghiêm ngặt, 137.191 ha khu phục hồi sinh thái (Anon. 1996).

Bản dự án đầu tư thứ hai đã được UBND tỉnh Lai Châu thông qua theo Công văn số 8/TT/UB, ngày 18/12/1996, và Bộ NN&PTNT phê chuẩn theo Công văn số 1262/NN-KHTD, ngày 19/04/1997 (Anon. 1999). Tuy dự án đầu tư đã được Bộ NN&PTNT phê chuẩn, nhưng Bộ Kế hoạch và Đầu tư vẫn chưa thẩm định nên chưa có nguồn vốn nào được đầu tư cho khu bảo tồn (Nguyễn Đức Tú *et al.* 2001). Do đó, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lai Châu lại tiến hành xây dựng bản dự án đầu tư lần thứ ba dựa trên cơ sở chỉnh sửa dự án đầu tư trước, với đề xuất thu nhỏ khu bảo tồn còn 172.480 ha (Anon. 1999). Tuy nhiên, bản dự án đầu tư này chưa được phê chuẩn ở bất cứ cấp nào (Nguyễn Đức Tú *et al.* 2001).

Hiện tại, Ban quản lý Khu BTTN Mường Nhé vẫn chưa được thành lập, toàn bộ đất rừng trong ranh giới đề xuất của Khu BTTN Mường Nhé thuộc sự quản lý của hai hạt kiểm lâm Mường Lay và Mường Tè. Trong thập kỷ vừa qua, đã có rất nhiều biến động dân cư bên trong và ngoài khu bảo tồn thiên nhiên, hàng loạt các khu dân cư mới xuất hiện với một số lượng lớn dân di cư tự do dẫn đến làm suy giảm nghiêm trọng độ che phủ rừng và các vùng rừng còn lại bị xẻ nhỏ và cách ly. Trong quá trình rà soát hệ thống rừng đặc dụng Việt Nam, Chương trình BirdLife Quốc tế và Viện ĐTQHR

đã tính toán nếu thiết lập một khu bảo tồn thiên nhiên với diện tích 314.000 ha tại Mường Nhé sẽ dẫn đến có thêm 250.000 ha đất nông nghiệp, trồng cây bụi và trồng cỏ thứ sinh nằm trong hệ thống rừng đặc dụng quốc gia. Do vậy, báo cáo này đề xuất cần phải giảm bớt diện tích đất không có rừng trong khu bảo tồn bằng cách xác định lại ranh giới cho nó (Wege *et al.* 1999).

Để đánh giá đề xuất trên, BirdLife và Viện ĐTQHR đã tiến hành đợt điều tra nhanh tại Mường Nhé vào tháng Mười một năm 2000. Dựa trên kết quả điều tra thực địa, hai cơ quan này đã kiến nghị cần giảm đáng kể diện tích của khu bảo tồn (Nguyễn Đức Tú *et al.* 2001). Mặc dù vậy, Mường Nhé hiện có trong danh lục các khu rừng đặc dụng Việt Nam đến năm 2010 được xây dựng bởi Cục Kiểm lâm - Bộ NN&PTNT với diện tích 182,000 ha (Cục Kiểm lâm, 2003), danh lục này hiện vẫn chưa được Chính phủ phê duyệt.

Địa hình và thủy văn

Khu BTTN Mường Nhé nằm ở hai huyện Mường Lay và Mường Tè ở mồm cuối cùng của vùng tây bắc Việt Nam. Khu bảo tồn giáp biên giới Lào ở phía tây và với biên giới Trung Quốc ở phía bắc. Địa hình của Khu BTTN Mường Nhé chủ yếu là các núi có độ cao vừa phải. Độ cao trung bình của các dãy núi này là 1.200 m, đôi chỗ có ngọn cao đến trên 1.800 m và đỉnh cao nhất là Phu Nam Man cao 2.124 m.

Đa dạng sinh học

Theo dự án đầu tư, Khu BTTN Mường Nhé chỉ có 47.400 ha đất có rừng, tương đương với 15% tổng diện tích khu bảo tồn. Trong số này có 9.920 ha rừng thường xanh trên đất thấp (phân bố dưới độ cao 800 m), 19.850 ha rừng thường xanh núi thấp (phân bố ở độ cao 800 đến 1.800 m), 1.705 rừng thường xanh trên núi cao (phân bố ở độ cao trên 1.800 m) và 15.925 ha rừng tre nứa. phần còn lại của khu bảo tồn thiên nhiên là 204.201 ha trồng cỏ và 43.980 ha đất nương rẫy hoặc trồng cây bụi (Anon. 1999). Thảm thực vật ưu thế nhất ở Khu BTTN Mường Nhé là trồng cỏ chiếm tới 66% diện tích tự nhiên của vùng. Thảm thực vật này ưu thế bởi *Imperata cylindrica*, *Themeda gigantea*, *Thysanolaena maxima*, *Saccharum spontaneum* and *Erianthus arundinaceus* (Nguyễn Đức Tú *et al.* 2001).

Trước những năm 1990, Mường Nhé được coi là một trung tâm bảo tồn thú lớn. Cox *et al.* (1992) ước tính có khoảng 200 con Voi châu Á *Elephas maximus* tại Mường Nhé vào những năm đầu thập kỷ 70. Tuy nhiên, sau chiến tranh biên giới năm 1979, các loại vũ khí quân dụng trở nên khá phổ biến ở vùng, và quần thể của loài thú lớn suy giảm nhanh chóng. Trong thời điểm diễn ra đợt điều tra của WWF và Bộ Lâm nghiệp vào năm 1991, các loài thú lớn ở Mường Nhé đã trở nên rất thưa thớt: Hổ *Panthera tigris* được mô tả là "hiếm", Bò tót *Bos gaurus* được mô tả là "có nguy cơ tuyệt chủng" và Voi được mô tả là "hầu như tuyệt chủng" (Cox *et al.* 1992).

Theo kết quả điều tra nhanh của BirdLife/Viện ĐTQHR, không có dấu hiệu nào chứng tỏ còn tiếp tục có sự tồn tại của Voi ở Mường Nhé, trong khi các loài thú lớn khác đều chỉ tồn tại thành những đàn nhỏ bị cách ly do các sinh cảnh bị xé nhỏ, cô lập và sức ép săn bắn.

Tuy vậy, thông tin phỏng vấn trong thời gian khảo sát từ dân địa phương của BirdLife/FIPI cho thấy Vượn đen má trắng *Hylobates leucogenys* vẫn có thể tồn tại trong khu bảo tồn (Nguyễn Đức Tú *et al.* 2001).

Báo cáo khả thi do WWF và Bộ Lâm nghiệp cũ đã đưa ra một danh lục khoảng 222 loài chim ghi nhận cho Mường Nhé (Cox *et al.* 1992), trong khi theo dự án đầu tư có đến 270 loài chim được ghi nhận có ở Khu BTTN Mường Nhé (Anon. 1993, 1996). Tuy nhiên, hiện tại chưa thể kết luận gì về con số này bởi vì không rõ những con số này có phải là dữ liệu thu được tại thực địa hay không, nhiều loài có thể được đưa vào dựa trên vùng phân bố đã biết của chúng. Một số liệu đáng tin cậy hơn về khu hệ chim của Mường Nhé là chuyển điều tra thực địa của Frontier-Vietnam tiến hành năm 1997. Chuyển điều tra này đã ghi nhận 158 loài chim ở vùng ngay sát đó về phía nam (Hill *et al.* 1997).

Các vấn đề về bảo tồn

Hiện nay, không có Ban quản lý Khu BTTN Mường Nhé, ranh giới của khu bảo tồn cũng chưa được xác định trên thực địa, cũng như chưa có hoạt động nâng cao nhận thức bảo tồn nào được tiến hành trong vùng. Hầu như không có người dân nào sống trong khu bảo tồn nhận thức được mình đang ở trong một khu bảo vệ, do đó việc vi phạm quy chế khu bảo tồn thiên

nhien diễn ra rộng khắp và thường xuyên (Nguyễn Đức Tú *et al.* 2001).

Các sinh cảnh tự nhiên ở Khu BTTN Mường Nhé bị xé lẻ và suy giảm nghiêm trọng, chủ yếu là do ảnh hưởng của canh tác nương rẫy và cháy rừng. Những vùng sinh cảnh tự nhiên còn lại đều đang chịu sức ép nặng nề của con người ngày càng cao do tăng dân số tự nhiên và cơ học (Nguyễn Đức Tú *et al.*, 2001).

Do vùng quá xa đường giao thông, hoạt động khai thác gỗ thương mại hầu như không diễn ra bên trong khu bảo tồn. Tuy nhiên, tất cả vật liệu làm nhà của người dân bên trong khu bảo tồn đều được lấy từ rừng. Việc lấy các vật liệu này diễn ra tự do mà không cần xin phép cả chính quyền xã lẫn cán bộ kiểm lâm. Các lâm sản khác cũng là đối tượng thu hái của người dân địa phương như củi, song mây, măng và mật ong. Chăn thả tự do cũng làm hạn chế khả năng tái sinh tự nhiên của rừng (Nguyễn Đức Tú *et al.*, 2001).

Mối đe dọa lớn nhất đối với tính đa dạng sinh học của Khu BTTN Mường Nhé là săn bắn. Theo người dân địa phương thì Voi đã hoàn toàn biến mất khỏi vùng từ năm 1990, và đến năm 2000 này thì Bò tót và Hổ có lẽ cũng chịu chung số phận. Tuy có thông tin về những đàn nhỏ của hai loài trên, nhưng việc các hoạt động săn bắn không được kiểm soát và ngăn chặn các loài này sẽ phải đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng trong thời gian gần là khó tránh khỏi. Nai *Cervus unicolor* cũng là loài trở nên hiếm một cách nhanh chóng, những loài móng guốc duy nhất còn tương đối phổ biến là Hoẵng *Muntiacus muntjak* và Lợn rừng *Sus scrofa*. Hầu hết các gia đình trong khu bảo tồn đều có súng săn, nhiều trẻ em có nỏ để bắn thú nhỏ và chim. Với tốc độ dân di cư tăng nhanh như hiện nay, sức ép săn bắn không giảm sẽ là những mối đe dọa trực tiếp đối với công tác bảo tồn trong tương lai (Nguyễn Đức Tú *et al.* 2001).

Các giá trị khác

Những vùng rừng còn lại trong khu bảo tồn thiên nhiên đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ nguồn nước sinh hoạt, canh tác cho các cộng đồng địa phương và phòng hộ đầu nguồn sông Đà.

Các dự án có liên quan

Chương trình 135 của quốc gia đang được thực hiện trong vùng. Nhiều dự án phát triển cơ sở hạ tầng đã và đang được thực hiện trong khuôn khổ của chương trình này bao gồm xây dựng trường học, trạm y tế và hệ thống thủy lợi. Tuy nhiên, nguồn vốn của chương trình chỉ có 400 triệu đồng Việt Nam cho một xã là quá ít so với yêu cầu thực tế của vùng.

Dự án Phát triển Khu Kinh tế Quốc phòng Mường Chà, tỉnh Lai Châu sẽ được tiến hành trong giai đoạn 2000-2009 tại các xã Chà Nưa, Chà Cang và Si Pha Phìn, huyện Mường Lay và Mường Nhé và Mường Toong, huyện Mường Tè. Dự án này cũng tập trung vào phát triển cơ sở hạ tầng, trong đó có hạng mục xây dựng một con đường đến các xã Mường Toong và Mường Nhé. Xây dựng các tuyến đường này là ưu tiên cấp thiết nhất cho việc phát triển kinh tế nhưng cũng đồng thời có vẻ sẽ tạo thêm nhiều áp lực lên tài nguyên thiên nhiên của Khu BTTN Mường Nhé.

Đánh giá nhu cầu bảo tồn

Nhu cầu bảo tồn chưa được đánh giá.

Kế hoạch quản lý

Khu vực chưa xây dựng được kế hoạch quản lý.

Sự phù hợp với các tiêu chí VCF

Khu BTTN Mường Nhé hiện không phù hợp để được nhận tài trợ VCF do không đáp ứng được các tiêu chí về tầm quan trọng quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học. Ngoài ra, khu vực chưa có các biện pháp quản lý bảo vệ thích hợp.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A _I	
A _{II}	
B _I	Quyết định số 194/CT, ngày 09/08/1986
B _{II}	Bảo tồn thiên nhiên
B _{III}	Thuộc sự quản lý của UBND tỉnh
C _I	
C _{II}	

Thể hiện các nhu cầu xã hội

Chưa có báo cáo thể hiện nhu cầu xã hội.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A	
B	
C	
D	

Tài liệu tham khảo

Anon. (1993) "Investment plan for Muong Nhe Nature Reserve, Lai Chau province". Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Anon. (1996) "Investment plan for Muong Nhe Nature Reserve, Lai Chau province". Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Anon. (1999) "Investment plan for Muong Nhe Nature Reserve, Lai Chau province". Dien Bien Phu: Lai Chau Provincial People's Committee. In Vietnamese.

Cox, R. C., Vu Van Dung and Pham Mong Giao (1992) Report of a management feasibility study of the Muong Nhe Nature Reserve (November/December 1991). Hanoi: WWF and the Forest Inventory and Planning Institute.

Dillon, T. C. and Wikramanayake, E. D. (1997) Parks, peace and progress: a forum for transboundary conservation in Indochina. *Parks* 7(3): 36-51.

Dossche, V. and de Wulf, R. (1998) Comparative study of dendrological composition and structure of three nature reserves in Vietnam. Unpublished report to the Unit of Forest Management and Spatial Information Techniques, University of Ghent.

Hill, M. J. and Monastyrskii, A. L. (1998) Butterfly fauna of protected areas in north and central Vietnam collections 1994-1997. *Atalanta* 29: 185-208.

Hill, M., Hallam, D. and Bradley, J. (1997) "Muong Nhe Nature Reserve: biodiversity survey 1997". London: Society for Environmental Exploration. In Vietnamese.

Hill, M., Hallam, D. and Bradley, J. (1997) Muong Nhe Nature Reserve: biodiversity survey 1997. London: Society for Environmental Exploration.

Horrocks, S. (1997) Flooding in the Bang Muoi commune. Unpublished report to Frontier-Vietnam.

Horrocks, S. (1997) Geology of the Bang Muoi commune. Unpublished report to Frontier-Vietnam.

Nguyen Duc Tu, Le Trong Trai and Le Van Cham, 2001. A rapid field survey of Muong Nhe Nature Reserve, Lai Chau province, Vietnam. Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme and the Forest Inventory and Planning Institute. In English and Vietnamese.

